



Bài báo nghiên cứu

NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM – GIAI ĐOẠN TỪ ĐẦU THẾ KỈ XXI ĐẾN NĂM 2019

Luu Hôn Vũ

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Luu Hôn Vũ – Email: vulh@buh.edu.vn

Ngày nhận bài: 02-5-2020; ngày nhận bài sửa: 20-6-2020; ngày duyệt đăng: 20-7-2020

TÓM TẮT

Bài viết dựa trên 144 bài nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc đã công bố trên hai tạp chí Ngôn ngữ và Ngôn ngữ và đời sống trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến năm 2019, tổng kết tình hình nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam ở giai đoạn này trên 6 lĩnh vực: (1) nghiên cứu bản thể tiếng Trung Quốc; (2) nghiên cứu so sánh, đối chiếu Việt – Trung; (3) nghiên cứu giáo trình, giảng dạy tiếng Trung Quốc; (4) nghiên cứu biên phiên dịch Trung – Việt, Việt – Trung; (5) nghiên cứu thụ đắc tiếng Trung Quốc; (6) nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc Hoa. Trên cơ sở đó, bài viết nêu lên những nhận xét, đánh giá về nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn này; từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị.

Từ khóa: ngôn ngữ Trung Quốc; Việt Nam; tổng quan; thế kỉ XXI

1. Mở đầu

Ngôn ngữ Trung Quốc là một trong sáu ngôn ngữ chính thức của Liên Hiệp Quốc và cũng là ngôn ngữ có số người sử dụng nhiều nhất thế giới. Từ đầu thế kỉ XXI đến nay, cùng với sự phát triển lớn mạnh của nền kinh tế Trung Quốc, ngôn ngữ Trung Quốc đã trở thành ngoại ngữ phổ biến thứ hai tại Việt Nam, chỉ sau ngôn ngữ Anh; vì thế, công tác nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc cũng không ngừng phát triển. Trong phạm vi tìm kiếm của chúng tôi, cho đến nay, vẫn chưa tìm thấy bài viết nào tổng kết, đánh giá tình hình nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam nói chung, tình hình nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, nói riêng.

Trên cơ sở các nghiên cứu đã công bố trên hai tạp chí *Ngôn ngữ và Ngôn ngữ và đời sống*, bài viết tổng kết tình hình nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, nêu những nhận xét, đánh giá về các nghiên cứu công bố trong giai đoạn này, đồng thời đưa ra những kiến nghị để thúc đẩy sự phát triển bền vững của công tác nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam.

Cite this article as: Luu Hon Vu (2020). The study of chinese language in Vietnam – From the beginning of the 21st century to 2019. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(7), 1206-1214.

2. Tình hình chung

Trong số 4931 bài nghiên cứu công bố trên hai tạp chí *Ngôn ngữ*, *Ngôn ngữ và đời sống* giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, chúng tôi thống kê được 144 bài nghiên cứu về ngôn ngữ Trung Quốc, chiếm tỉ lệ 2,92%.

Các nghiên cứu này có tình hình phân bố theo năm và theo nội dung nghiên cứu như sau (xem Bảng 1 và Bảng 2):

Bảng 1. Tình hình nghiên cứu phân bố theo năm

Năm	Số lượng	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng
2001	5	2006	3	2011	2	2016	9
2002	4	2007	4	2012	1	2017	7
2003	0	2008	6	2013	2	2018	31
2004	2	2009	0	2014	18	2019	8
2005	2	2010	2	2015	38		

Bảng 1 cho thấy số lượng nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc phân bố không đồng đều qua các năm. Trung bình có khoảng 7,58 bài nghiên cứu trong một năm. Các nghiên cứu chủ yếu được công bố trong khoảng thời gian từ năm 2014 trở lại đây, đặc biệt là vào các năm 2014, 2015 và 2018. Đây là những năm tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống* có các số chuyên đề kỉ niệm ngày thành lập các khoa tiếng Trung Quốc tại các trường đại học, chào mừng hội thảo khoa học về tiếng Trung Quốc. Mặt khác, khoảng thời gian từ 2014 đến nay cũng là khoảng thời gian ngôn ngữ Trung Quốc rất được xã hội quan tâm, học tập.

Bảng 2. Tình hình nghiên cứu phân bố theo nội dung

Lĩnh vực	Bình diện	Chữ Hán	Ngữ âm	Ngữ pháp	Từ vựng	Ngữ dụng	Vấn đề chung	Tổng
Bản thể		6	1	13	32	1	4	57
So sánh, đối chiếu			6	9	29	4	1	49
Giáo trình, giảng dạy		3	1	1	3		12	20
Biên phiên dịch				1	2		5	8
Thụ đắc			1	5				6
Ngôn ngữ dân tộc							4	4
Tổng		9	9	29	66	5	26	144

Bảng 2 cho thấy nội dung nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc có sự phân bố không đều giữa các lĩnh vực và các bình diện ngôn ngữ. Lĩnh vực nghiên cứu được quan tâm nhiều nhất là nghiên cứu bản thể tiếng Trung Quốc (57 bài, chiếm tỉ lệ 39,58%), kế đến là so sánh, đối chiếu tiếng Trung Quốc (49 bài, chiếm tỉ lệ 34,03%). Hai lĩnh vực nghiên cứu ít được quan tâm nhất là ngôn ngữ dân tộc Hoa tại Việt Nam (4 bài, chiếm tỉ lệ 2,77%) và thụ đắc tiếng Trung Quốc (6 bài, chiếm tỉ lệ 4,17%). Bình diện ngôn ngữ được quan tâm nhiều nhất là bình diện từ vựng (66 bài, chiếm tỉ lệ 45,83%), kế đến là bình diện ngữ pháp (29 bài, chiếm

tỉ lệ 20,14%). Bình diện ngôn ngữ ít được quan tâm nhất là bình diện ngữ dụng (5 bài, chiếm tỉ lệ 3,47%).

3. Nội dung nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam

Các nghiên cứu về ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019 có thể quy về 6 lĩnh vực sau:

3.1. Bản thể tiếng Trung Quốc

Từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, có 57 bài nghiên cứu bản thể tiếng Trung Quốc được công bố, chiếm tỉ lệ 39,58%. Đây là lĩnh vực có nhiều nghiên cứu được công bố nhất. Trong đó:

Các nghiên cứu bản thể về từ vựng tiếng Trung Quốc có 32 bài, chủ yếu xoay quanh các lớp từ vựng của tiếng Trung Quốc, như: từ ngữ xung hô, tên riêng của người Trung Quốc, số từ, từ đồng âm, tiếng lóng, từ ngoại lai, từ mới, thuật ngữ, tên gọi sự vật... (Nguyen, 2002; Nguyen, 2015; Ngo, 2018). Ngoài ra, còn có các nghiên cứu về thành ngữ, hiện tượng chuyển nghĩa của từ vựng (Cam, & Nong, 2015).

Các nghiên cứu bản thể về ngữ pháp tiếng Trung Quốc có 13 bài, chủ yếu xoay quanh các vấn đề về lượng từ biểu thị số lần tăng, phó từ phủ định, giới từ chỉ không gian, cụm giới từ chỉ căn cứ, bổ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc, câu ghép, kết hợp phó từ và danh từ... (Vo, 2015; Nguyen, 2015).

Các nghiên cứu bản thể về chữ Hán tiếng Trung Quốc có 6 bài, chủ yếu xoay quanh nội dung về cấu tạo, nghĩa và nội hàm văn hóa của chữ Hán (Pham, 2015).

Nghiên cứu bản thể về ngữ âm, ngữ dụng tiếng Trung Quốc khá ít, chỉ có 1 bài nghiên cứu về ngữ âm và 1 bài nghiên cứu về ngữ dụng (Tran, & Tong, 2018).

Ngoài ra, trong giai đoạn này còn có 4 bài nghiên cứu, giới thiệu về các vấn đề chung của bản thể tiếng Trung Quốc, như giới thiệu về phân bố các ngôn ngữ ở Trung Quốc, luật ngôn ngữ của Trung Quốc.

3.2. So sánh, đối chiếu Việt – Trung

Trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, có 49 bài nghiên cứu so sánh, đối chiếu Việt – Trung được công bố, chiếm tỉ lệ 34,03%. Đây là lĩnh vực có số lượng nghiên cứu được công bố nhiều thứ hai. Trong đó:

Các nghiên cứu so sánh, đối chiếu từ vựng Việt – Trung có 29 bài, chủ yếu xoay quanh các nội dung như: tên gọi sự vật tiếng lóng, thuật ngữ, thành ngữ, ẩn dụ từ vựng... (Ngo, 2017; Pham, 2018).

Các nghiên cứu so sánh, đối chiếu ngữ pháp Việt – Trung có 9 bài, chủ yếu xoay quanh các nội dung như: từ chỉ số nhiều, phó từ chỉ thời gian, phó từ chỉ hạn định, phó từ chỉ phủ định, thán từ, bổ ngữ, câu tồn tại, câu so sánh... (Bui, 2014; Le, & Nguyen, 2017).

Các nghiên cứu so sánh, đối chiếu ngữ âm Việt – Trung có 6 bài, chủ yếu xoay quanh các nội dung như: phụ âm đầu, vần, thán từ... (Le, & Vi, 2005).

Các nghiên cứu so sánh, đối chiếu ngữ dụng Việt – Trung có 4 bài, chủ yếu xoay quanh các nội dung về lời cam kết, hành vi nhờ... (Vu, 2010).

3.3. Giáo trình, giảng dạy tiếng Trung Quốc

Từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, có 20 bài nghiên cứu về giảng dạy tiếng Trung Quốc được công bố, chiếm tỉ lệ 13,89%. Đây là lĩnh vực có số lượng nghiên cứu được công bố nhiều thứ ba. Trong đó, có 2 bài nghiên cứu về giáo trình tiếng Trung Quốc (Luu & Chau, 2014), 8 bài nghiên cứu về giảng dạy các bình diện từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, chữ Hán của tiếng Trung Quốc (Nguyen, & Nguyen, 2014; Ho, 2014), 5 bài nghiên cứu về giảng dạy các kĩ năng tiếng Trung Quốc (Vuong, 2014), 2 bài nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ thứ hai tiếng Trung Quốc (Duong, & Le, 2015).

3.4. Biên phiên dịch Trung – Việt, Việt – Trung

Giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, có 8 bài nghiên cứu biên phiên dịch Việt – Trung, Trung – Việt được công bố, chiếm tỉ lệ 5,56%. Các bài nghiên cứu này chủ yếu xoay quanh các nội dung về dịch yếu tố văn hóa, dịch câu dài, hiện tượng bất khả dịch, những lỗi dịch thường gặp... (Pham, 2018).

3.5. Thụ đắc tiếng Trung Quốc

Từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, có 6 bài nghiên cứu thụ đắc tiếng Trung Quốc được công bố, chiếm tỉ lệ 4,17%. Các nghiên cứu này chủ yếu xoay quanh các vấn đề thụ đắc ngữ pháp tiếng Trung Quốc như: phó từ chỉ thời gian, phó từ chỉ phủ định, bổ ngữ chỉ hướng... (Luu, 2011; Vo, 2018).

3.6. Ngôn ngữ dân tộc Hoa

Trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, có 4 bài (chiếm tỉ lệ 2,77%) nghiên cứu về ngôn ngữ dân tộc Hoa ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Bình Dương (Hoang, 2013). Đây là lĩnh vực ít được quan tâm nghiên cứu nhất.

4. Nhận xét, đánh giá về nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam

Số lượng các nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc được công bố trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019 là khá ít. Chúng chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong tổng số các nghiên cứu ngôn ngữ được công bố trên hai tạp chí “Ngôn ngữ” và “Ngôn ngữ và đời sống” trong giai đoạn này.

Các nghiên cứu được công bố trong giai đoạn này chủ yếu tập trung trên ba lĩnh vực: (1) nghiên cứu bản thể tiếng Trung Quốc, (2) so sánh, đối chiếu Việt – Trung, (3) giáo trình, giảng dạy tiếng Trung Quốc; còn hạn chế trong nghiên cứu trên các lĩnh vực: (1) thụ đắc tiếng Trung Quốc, (2) biên phiên dịch Việt – Trung, Trung – Việt, (3) ngôn ngữ dân tộc Hoa.

4.1. Bản thể tiếng Trung Quốc

Nghiên cứu bản thể tiếng Trung Quốc chủ yếu tập trung trên bình diện từ vựng, mà cụ thể là các lớp từ vựng tiếng Trung Quốc, chưa quan tâm nhiều đến các vấn đề khác của bình diện từ vựng như phương thức tạo từ, quán ngữ, từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa, ẩn dụ, hoán dụ, trường từ vựng... Nghiên cứu bản thể ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện nay tuy đã có một số

lượng nhất định, nhưng chưa nhiều, vẫn còn khá những vấn đề chưa được đề cập, như: giới từ, liên từ, trợ từ, động từ năng nguyện, thành phần câu (bổ ngữ, trạng ngữ, tân ngữ...), câu đơn, câu ghép, phạm trù ngữ pháp, phương thức ngữ pháp... Nghiên cứu bản thể chữ Hán, ngữ âm, ngữ dụng vẫn còn rất hạn chế, còn rất nhiều vấn đề của các bình diện ngôn ngữ này cần được quan tâm, nghiên cứu.

4.2. So sánh, đối chiếu Việt – Trung

Như chúng ta đã biết, kết quả so sánh, đối chiếu Việt – Trung có ý nghĩa và rất hữu ích trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, biên soạn giáo trình tiếng Trung Quốc, công tác biên phiên dịch Việt – Trung, Trung – Việt. Song, số lượng nghiên cứu so sánh, đối chiếu Việt – Trung được công bố trong giai đoạn này chưa nhiều. Các nghiên cứu ở lĩnh vực này chủ yếu tập trung trên một vài nội dung của bình diện từ vựng, còn rất hạn chế trên các bình diện ngôn ngữ khác. Vì vậy, còn rất nhiều vấn đề cần tiến hành so sánh, đối chiếu, đặc biệt là trên bình diện ngữ dụng như: nghĩa hàm ẩn, hành động ngôn ngữ, hội thoại...

4.3. Giáo trình, giảng dạy tiếng Trung Quốc

Trong những năm gần đây, ngôn ngữ Trung Quốc là một trong những ngoại ngữ thu hút rất nhiều sinh viên chọn học, vì vậy, việc nghiên cứu về giáo trình, phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc được quan tâm hơn, song số lượng bài nghiên cứu đã công bố vẫn còn rất khiêm tốn. Các nghiên cứu về giáo trình chỉ dừng lại ở tổng kết, đánh giá tình hình giáo trình tiếng Trung Quốc hiện nay, chưa hướng đến các nghiên cứu về biên soạn giáo trình tiếng Trung Quốc. Các nghiên cứu về phương pháp giảng dạy cũng chỉ dừng lại ở việc nêu đánh giá, kiến nghị trong giảng dạy các kiến thức bình diện ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ, chưa có các nghiên cứu thực nghiệm về ứng dụng các phương pháp giảng dạy mới (như phương pháp giao tiếp, phương pháp giảng dạy theo nhiệm vụ, phương pháp giảng dạy theo nội dung...) trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.

4.4. Biên phiên dịch Việt – Trung, Trung – Việt

Biên phiên dịch Việt – Trung, Trung – Việt là cầu nối trong giao lưu văn hóa, kinh tế, xã hội giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Trung Quốc, làn sóng đầu tư từ Trung Quốc vào Việt Nam, nguồn du khách từ Trung Quốc đến Việt Nam cũng tăng lên. Vì vậy, chúng ta cần một lượng lớn biên phiên dịch chuyên nghiệp để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Song song với việc đào tạo biên phiên dịch là công tác nghiên cứu biên phiên dịch. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, số lượng bài nghiên cứu biên phiên dịch Việt – Trung, Trung – Việt vẫn còn rất hạn chế. Chúng ta cần có nhiều nghiên cứu hơn trong lĩnh vực này, hướng tới xây dựng một lý thuyết dịch Việt – Trung, Trung – Việt hoàn chỉnh, rèn luyện những kỹ thuật dịch hiệu quả, đào tạo những biên phiên dịch có năng lực tốt.

4.5. Thụ đắc tiếng Trung Quốc

Thụ đắc ngôn ngữ là lĩnh vực nghiên cứu quá trình tiếp nhận ngôn ngữ trong tiềm thức của người học. Lĩnh vực này nghiên cứu các vấn đề như: lỗi sử dụng ngôn ngữ, gia công

ngôn ngữ, thứ tự thụ đắc, tri nhận ngôn ngữ, các yếu tố liên quan đến người học (như động cơ, chiến lược, lo lắng, quan niệm, phong cách, tính tự chủ...). Song các nghiên cứu về thụ đắc tiếng Trung Quốc hiện nay chỉ tập trung phân tích lỗi sử dụng ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam. Có thể thấy, vẫn còn rất nhiều vấn đề của lĩnh vực này cần được tiến hành nghiên cứu. Nếu có thể tiến hành nghiên cứu đầy đủ các nội dung này không những làm phong phú thành quả nghiên cứu của lĩnh vực này, mà còn có thể giúp người học Việt Nam có thể học tiếng Trung Quốc tốt hơn.

4.6. Ngôn ngữ dân tộc Hoa

Dân tộc Hoa là một trong những dân tộc có số dân tương đối đông ở Việt Nam. Tiếng nói của dân tộc Hoa ở các vùng miền khác nhau có những đặc điểm khác nhau. Nghiên cứu vấn đề này tại Việt Nam sẽ giúp chúng ta thấy được những hình thức biến thể của tiếng Hoa ở Việt Nam, không giống với tiếng Trung Quốc chuẩn. Các nghiên cứu trong lĩnh vực này hiện nay chỉ mới dừng lại ở việc tìm hiểu tình hình sử dụng ngôn ngữ của dân tộc Hoa ở một số địa phương, chưa nêu bật được những khác biệt về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp, ngữ dụng của tiếng Hoa ở Việt Nam với tiếng Trung Quốc chuẩn.

5. Kết luận

Nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam không những có sự phân bố không đồng đều về số lượng nghiên cứu công bố theo năm, mà còn có sự phân bố không đồng đều theo nội dung nghiên cứu. Số lượng nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019 trên hai tạp chí *Ngôn ngữ*, *Ngôn ngữ và đời sống* chưa nhiều và chiếm tỉ lệ khá khiêm tốn. Nội dung nghiên cứu chưa thật sự phong phú, còn rất nhiều vấn đề thuộc các lĩnh vực nghiên cứu, các bình diện ngôn ngữ khác nhau cần được tìm hiểu, làm rõ. Từ thực tế trên, vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc ở Việt Nam rất cần sự quan tâm đầu tư của xã hội và các nhà nghiên cứu nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để công tác này có thể phát triển bền vững.

6. Kiến nghị

Có thể thấy, tình hình nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến nay vẫn còn nhiều hạn chế, số lượng công bố chưa nhiều; vì vậy, cần có những biện pháp phù hợp để thúc đẩy sự phát triển bền vững của công tác nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau đây:

Thứ nhất, thành lập Hội nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc. Đây là sẽ là tổ chức gắn kết các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam, chia sẻ các thành quả nghiên cứu mới nhất, hỗ trợ tiến hành nghiên cứu các bình diện của ngôn ngữ Trung Quốc.

Thứ hai, thành lập tạp chí khoa học chuyên về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc. Tạp chí có nhiệm vụ công bố các thành quả nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc mới nhất.

Thứ ba, thực hiện các số chuyên đề về ngôn ngữ Trung Quốc trên hai tạp chí “Ngôn ngữ” và “Ngôn ngữ và đời sống”, đồng thời cho phép đăng tải các bài viết bằng tiếng Trung Quốc trên hai tạp chí này.

Thứ tư, định kì tổ chức các hội thảo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc. Đây sẽ là diễn đàn giao lưu, trao đổi, thảo luận học thuật rất hữu ích của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, T. M. H. (2014). Pho tu han dinh "chi" trong tieng Viet va cac tuong duong trong tieng Han [Vietnamese Quantifying Adverb “Chi” and Its Equivalences in Vietnamese]. *Journal of Language and Life*, (2), 53-57.
- Cam, T. T., & Nong, H. H. (2015). Ban ve hien tuong chuyen nghia tu ngu chua Xin tieng Han trong an du vat [Discuss about Phenomenons of Transferred Meaning Words Containing Xin in the Container Metaphors in Chinese]. *Journal of Language and Life*, (10), 13-16.
- Duong, T. D., & Le, T. K. D. (2015). Nhung doi moi trong giang day ngoai ngu 2 mon tieng Trung Quoc tai Dai hoc Quoc gia Ha Noi (giai doan tu 2010-2015) [Innovations in Teaching Chinese as a Second Foreign Language in Vietnam National University, Hanoi in the Period of 2010-2015]. *Journal of Language and Life*, (10), 129-133.
- Ho, M. Q. (2014). Phien thiet - mot phuong phap day trong viec tra cach doc am Han Viet [Fanqie – An Important Method in Searching Sino Vietnamese]. *Journal of Language and Life*, (10), 16-21.
- Hoang, N. N. H. (2015). Mot so dac diem hinh thuc cua thuat ngu chuyen nganh cong an trong tieng Han hien dai [Some Features of Police Terms in Modern Chinese]. *Journal of Language and Life*, (9), 87-90.
- Hoang, Q. (2013). Van de tieng me de của người Hoa ở An Giang [The Issue of Mother Tongue of the Hoa/ Chinese in An Giang]. *Language*, (7), 62-73.
- Le, X. B., & Vi, T. Q. (2005). Moi quan he giua am Han Viet va phuong ngu tieng Han nhìn tu dac diem am dau [The Relationship between Sino -Vietnamese Pronunciation and Chinese Dialect Seen from Initial Sound Characteristics]. *Language*, (10), 25-34.
- Le, X. T., & Nguyen, H. A. (2017). Bieu thuc so sanh ngang bang trong tieng Viet và tieng Han: Tuong dong va khac biet [Comparison Structures in Vietnamese and Chinese – Similarities and Differences]. *Language*, (4), 3-18.
- Luu, H. V. (2011). Nhung loi su dung bo ngu chi phuong huong khi hoc vien người Viet hoc tieng Trung Quoc [An Error Analysis of Vietnamese Students’ Chinese Directional Complement]. *Journal of Language and Life*, (11), 22-26.
- Luu, H. V., & Chau, A. P. (2014). Bien soan giao trinh tieng Trung Quoc danh cho sinh vien khong chuyen ngu - thuc trang và kien nghi [Chinese Textbooks for Non-Chinese Major Students – Condition and Proposals]. *Journal of Language and Life*, (10), 6-10.

- Ngo, M. N. (2018). Đặc điểm tên gọi nhà hàng ở Quảng Châu Trung Quốc [Characteristics of Restaurant Names in Quang Chau – China]. *Journal of Language and Life*, (8), 121-127.
- Ngo, T. H. (2017). Đối chiếu thành ngữ có hình ảnh con chuột trong tiếng Hán và tiếng Việt từ góc độ an dụ tri nhân [A Comparison of Idioms Containing Rat in Chinese and Vietnamese from the Perspective of Cognitive Metaphors]. *Language*, (11), 52-60.
- Nguyen, P. L., & Nguyen, T. M. H. (2014). Một số vấn đề trong giảng dạy và biên soạn tài liệu tiếng Trung Quốc nhìn từ góc độ đối chiếu nghĩa của từ Hán Việt và từ Hán tương đương [Some Issues Related to Teaching Chinese and Compiling Materials in Chinese: a Comparative Study between Chinese and Sino Vietnamese]. *Journal of Language and Life*, (10), 11-15.
- Nguyen, T. H. T. (2015). Quan niệm mới về tiếng lóng của giới Hán ngữ học Trung Quốc [A New View on Slang of Chinese Linguistics]. *Journal of Language and Life*, (8), 41-44.
- Nguyen, T. L. Q. (2015). Bàn về câu ghép trong sách ngữ pháp tiếng Hán hiện đại [Discussion Compound Sentence in Modern Chinese Grammar Books]. *Journal of Language and Life*, (10), 50-54.
- Nguyen, V. K. (2002). Bình diện xã hội ngôn ngữ của vấn đề họ tên trong tiếng Hán [The Linguistic Social Dimension of the Issue of Names in Chinese]. *Journal of Language and Life*, (10), 24-27.
- Pham, M. T. (2018). Hiện tượng bất khả dịch trong đối dịch Hán – Việt [Non-translatability in Sino – Vietnamese translation]. *Journal of Language and Life*, (5), 11-15.
- Pham, N. H. (2015). Chu Duong trong ngôn ngữ – văn hóa Việt Nam và Trung Hoa [Duong characters in Vietnamese-Chinese language and culture]. *Language*, (3), 12-17.
- Pham, T. T. H. (2018). So sánh ý nghĩa ẩn dụ của từ Cay trong tiếng Việt và La trong tiếng Hán [A Comparison of Metaphorical Meaning between the Word Cay in Vietnamese and the Word La in Chinese]. *Journal of Language and Life*, (5), 61-66.
- Tran, T. K. L., & Tong, V. T. (2018). Hồi đáp lời cảm ơn trong tiếng Hán hiện đại và một số lưu ý trong giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Hán [Thanking Responses in Modern Chinese and Pedagogical Suggestions for Chinese Major Students]. *Journal of Language and Life*, (12), 74-81.
- Vo, T. M. H. (2015). Phó từ phủ định *mei* (you) và thời gian, thời thái [Negative Adverb *Mei* (you) and Time, Tense]. *Journal of Language and Life*, (10), 46-49.
- Vo, T. M. H. (2018). Khảo sát lỗi của sinh viên Việt Nam khi sử dụng phó từ phủ định *Bu* và *Mei* trong tiếng Hán hiện đại [An Investigation into Vietnamese Students' errors in Using Negative Adverbs *Bu* and *Mei* in Modern Chinese]. *Journal of Language and Life*, (5), 100-105.
- Vu, T. N. (2010). Một vài điểm tương đồng trong cách bày tỏ quyết tâm thực hiện lời cam kết giữa tiếng Việt, tiếng Hán và tiếng Trung [Similarities in Expression of Determination to Fulfill Commitments between Vietnamese, Korean and Chinese]. *Language*, (3), 48-54.
- Vuong, H. N. (2014). Phát huy tính tích cực của giao diện từ trong giảng dạy môn kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc [Promoting ICT Lesson Plans through Teaching Chinese Reading Skill]. *Journal of Language and Life*, (10), 33-35.

**THE STUDY OF CHINESE LANGUAGE IN VIETNAM
- FROM THE BEGINNING OF THE 21ST CENTURY TO 2019**

Luu Hon Vu

Banking University of Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Luu Hon Vu – Email: vulh@buh.edu.vn

Received: May 02, 2020; Revised: June 20, 2020; Accepted: July 20, 2020

ABSTRACT

The article reviewed 144 articles of Chinese language published in the two journals "Language" and "Journal of Language and Life" between 2001 and 2019, and summarized the situation of Chinese language research in Vietnam at this stage in six fields: (1) Chinese ontology research, (2) Research on the Contrast of Chinese and Vietnamese Language, (3) Research on Chinese textbooks and teaching, (4) Research on the Translation between Chinese and Vietnamese, (5) Chinese Acquisition Research, (6) Research on Chinese Ethnic Language in Vietnam. Based on the results of the review, the article discusses Chinese language research in Vietnam during this period, followed by recommendations.

Keywords: Chinese language; Vietnam; literature review; 21st century